TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2017
V/v: Tranh chấp Ly hôn giữa anh T. và chị H.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thúy Thìn

2. Bà Phạm Thị Bích Hợp

- ***Thư ký phiên tòa:*** **Bà Lê Thị Hồng Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội *tham gia phiên tòa*: **Ông Ngô Minh Hùng**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Hữu T.,** sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể 124 phố M., phường M., quận H., Thành phố Hà Nội; Trú tại: P202 Tập thể Animex ngõ 156 phố H., phường T., quận H., Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Hoàng Thanh H.,** sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập thể 124 phố M., phường M., quận H., Thành phố Hà Nội; Trú tại: P202 Tập thể Animex ngõ 156 phố H., phường T., quận H., Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn anh Bùi Hữu T.:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Hữu T. trình bày:

Về tình cảm: Anh Bùi Hữu T. và chị Hoàng Thanh H. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 31/3/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về tâm lý, lối sống, suy nghĩ, cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Vợ chồng anh đã sống ly thân một thời gian, sống chung một nhà nhưng không thể chia sẻ và mang lại hạnh phúc cho nhau, vợ chồng anh chị đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn, không thể tiếp tục chung sống. Năm 2013, anh T. đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H., sau đó do bận công việc nên anh đã rút đơn xin ly hôn và Tòa án nhân dân quận H. đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, vợ chồng anh quay lại tiếp tục chung sống để cùng nhau chăm sóc con chung nhưng chỉ hòa thuận được một thời gian đầu. Khoảng từ đầu năm 2015 cho đến nay, vợ chồng lại mâu thuẫn, cuộc sống chung căng thẳng kéo dài, không hạnh phúc, sống chung nhưng không quan tâm đến nhau, chỉ trao đổi nói chuyện về nội dung liên quan đến con chung.

Từ tháng 3/2017 đến nay, vợ chồng anh đã sống ly thân, không nói chuyện, không liên lạc với nhau, không thỏa thuận, trao đổi được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung. Anh T. đã dọn ra ngoài sống nhờ nhà bạn bè từ đó đến nay.

Nay anh T. xác định không còn tình cảm với chị H., mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài và không có khả năng khắc phục nên anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được ly hôn chị H..

Về con chung: Anh T. và chị H. có 02 con chung tên là Bùi Hoàng Bảo N., sinh ngày 05/3/2007 và Bùi Hoàng Gia N., sinh ngày 02/01/2012, sức khỏe của các con bình thường. Từ tháng 3/2017 đến nay, do anh dọn ra ngoài sống nên hai cháu con chung của anh chị ở với chị H., chị H. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu, thỉnh thoảng anh có đến chăm sóc hai con. Cháu Bùi Hoàng Bảo N. đã có nguyện vọng muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Khi ly hôn anh T. có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con thứ hai là Bùi Hoàng Gia N., để chị H. trực tiếp nuôi dưỡng con lớn là Bùi Hoàng Bảo N.. Anh không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cả 02 con do công việc của anh bận, thỉnh thoảng phải đi công tác ngoại tỉnh và nước ngoài, thời gian đi công tác khoảng vài ngày đến một tuần, anh phải thuê nhà ở trên Hà Nội vì không có nhà đất trên này. Anh sinh sống và làm việc ở Hà Nội 1 mình, bố mẹ, anh chị em và họ hàng sinh sống ở tỉnh H. nên việc hỗ trợ chăm sóc con gặp khó khăn. Thu nhập của anh khoảng 20 triệu đồng/tháng. Việc cấp dưỡng do vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Vợ chồng anh T., chị H. không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng anh chị không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu của bị đơn là chị Hoàng Thanh H.:

Tại bản tự khai ngày 21/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 23/3/2017, bị đơn chị Hoàng Thanh H. trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, chị H. xác nhận đúng như anh T. trình bày. Sau 06 năm kết hôn, vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2012 đến năm 2014 thì vợ chồng quyết định sống chung lại để tìm cách giải quyết mâu thuẫn và cùng lo cho các con. Từ năm 2014 đến năm 2017, vợ chồng chị quay lại sống chung nhưng không thể giải quyết triệt để mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Nay anh T. xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên đồng ý ly hôn.

Tại buổi hòa giải ngày 23/5/2017, chị H. trình bày: Từ khoảng năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tâm lý, lối sống, suy nghĩ, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Hai vợ chồng đã cùng tháo gỡ vướng mắc nhưng không giải quyết được mâu thuẫn và đã sống ly thân một thời gian. Năm 2013, anh T. đã nộp đơn xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân quận H. và sau đó rút đơn và Tòa án quận H. đình chỉ vụ án. Tháng 7/2014, anh T. có đề nghị 3 mẹ con chị quay về chung sống. Đến tháng 02/2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T. ngoại tình, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến tháng 8/2015, anh T. không ngoại tình nữa. Tình cảm vợ chồng bình thường. Từ đó đến nay, vợ chồng chị cũng có mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ. Từ lúc anh T. nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H. đến nay, chị còn tình cảm với chồng và đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ tháng 3/2017 đến nay, vợ chồng chị không nói chuyện được với nhau, không liên lạc được với nhau và cũng không thỏa thuận được về việc anh T. xin ly hôn; hai vợ chồng không chung sống với nhau tại địa chỉ P202 Tập thể Animex ngõ 156 phố H., phường T., quận H., Thành phố Hà Nội. Anh T. đã dọn ra ngoài sống, chị không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Từ tháng 4/2017 đến nay, anh T. không về nhà chăm sóc các con, không hỗ trợ chị tiền nuôi con, mình chị hàng ngày chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Nay anh T. xin ly hôn, chị không đồng ý lý do chị vẫn còn tình cảm với chồng, chị sẽ tìm cách để hàn gắn tình cảm để vợ chồng. Từ tháng 2 là tháng Tết, vợ chồng có cãi nhau, xảy ra mâu thuẫn lớn không giải quyết được nên chị đã đồng ý ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng vẫn có mâu thuẫn, chị đã tức giận và nghĩ rằng không thể giải quyết được

mâu thuẫn nên chị đồng ý ly hôn. Đến hôm nay, chị nhận ra mâu thuẫn đó không đến nỗi trầm trọng phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H. xác nhận hai vợ chồng có 02 con chung như anh T. trình bày. Trong trường hợp phải ly hôn chị đề nghị anh T. trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con với mức tiền là 06 triệu đồng cho 02 con/tháng. Chị làm lao động tự do, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng, công việc là bán hàng online tại nhà. Hiện tại, chị thường xuyên phải đi lấy hàng và phân phối và thu tiền hàng tại Thanh Hóa, Nam Định, Hải Dương, Hải Phòng và Lạng Sơn, từ 23 – 25 ngày/tháng, thời điểm chị ở Hà Nội là ít, khoảng 7-10 ngày/ tháng, chị phải thuê người trông con theo giờ, nhờ mẹ đẻ và em trai hỗ trợ chăm sóc hai con.

Nếu anh T. không đồng ý trực tiếp nuôi cả 02 con, chị đề nghị Tòa án giải quyết căn cứ theo quy định của pháp luật.

Tại đơn trình bày ngày 29/5/2017 và tại các biên bản hòa giải ngày 02/8/2017, 14/8/2017, chị H. trình bày: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì chị chỉ có 02 con chung với anh T. và chưa có thai, sau thời điểm Tòa án thụ lý vụ án chị mới phát hiện mình mang thai mới. Do hiện tại chị đang mang thai, nếu anh T. vẫn yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H. đã xuất trình sổ khám thai và siêu âm thai ngày 27/5/2017 tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Giấy khám sức khỏe và kết quả siêu âm thai ngày 21/7/2017 tại Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội.

3. Ý kiến của anh T. đối với việc chị H. đang mang thai:

Tại biên bản hòa giải ngày 02/8/2017 và 14/8/2017, anh T. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H.. Anh đã được chị H. thông báo việc chị H. đang mang thai và đã được biết các tài liệu kết quả khám thai, siêu âm thai của chị H. đã xuất trình, anh cũng đã được Tòa án giải thích quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình về việc người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài và không có khả năng khắc phục, nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H. và đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải mà giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4.Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ như sau:

- Tại Biên bản làm việc ngày 04/5/2017 với địa phương nơi cư trú của anh T. và chị H., Tổ trưởng Tổ dân phố 8D phường T., quận H. cung cấp như sau: Về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T., chị H., vì anh chị ít thể hiện ra ngoài nên

địa phương không nắm rõ, anh chị có báo cáo về mâu thuẫn vợ chồng với tổ hòa giải tại địa phương. Nay anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 02 con chung là Bùi Hoàng Bảo N., Bùi Hoàng Gia N., sức khỏe của các cháu bình thường. Vì anh chị mới chuyển đến địa phương sinh sống nên địa phương không nắm được điều kiện kinh tế và thu nhập của anh chị.

Tòa án tiến hành xác minh tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Bệnh viện cung cấp: Ngày 27/5/2017, chị H. có đến khám thai tại Phòng khám Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, kết quả khám thai là chị H. có thai 07 tuần 01 ngày.

Tại Giấy khám sức khỏe có xác nhận của Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội ngày 21/7/2017 thể hiện: chị H. có 01 thai tương đương với tuổi thai 15 tuần 04 ngày, thai đang phát triển.

5. Tại phiên tòa:

Anh T. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng anh, anh đã được Tòa án giải thích quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về việc anh không có quyền yêu cầu xin ly hôn trong trường hợp chị H. đang mang thai trong thời kỳ hôn nhân. Nhưng anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xét xử cho anh được ly hôn chị H. và giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng. Ngoài ra, anh T. không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Chị H. vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn anh T. vì chị đang mang thai. Chị xuất trình kết quả khám thai và siêu âm thai mới nhất ngày 11/9/2017 tại Bệnh viện đa khoa Đại học Y Hà Nội thể hiện chị đang mang 01 thai tương đương với tuổi thai 21 tuần 08 ngày, thai đang phát triển.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý vụ án và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định anh T. và chị H. kết hôn hợp pháp, khi Tòa án thụ lý vụ án, chị H. chưa mang thai. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và hiện tại chị H. đang mang thai nên căn cứ khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình về việc người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì anh T. không có quyền xin ly hôn chị H.. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. đối với chị H..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Bùi Hữu T. khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là chị Hoàng Thanh H. và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị H. cư trú tại địa chỉ P202 Tập thể Animex ngõ 156 phố H., phường T., quận H., Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

2. Về nội dung: Anh Bùi Hữu T. và chị Hoàng Thanh H. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/3/2006 tại Ủy ban nhân dân phường M., quận H., thành phố Hà Nội, thể hiện là hôn nhân hợp pháp.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T., chị H. chỉ có 02 con chung với anh T. và chưa mang thai. Quá trình giải quyết vụ án, chị H. mới phát hiện mình mang thai mới. Trong các buổi làm việc tại Tòa án, chị H. đã xuất trình các kết quả khám thai và siêu âm thai có xác nhận của Cơ quan y tế có thẩm quyền. Tại phiên tòa, chị H. cũng xuất trình kết quả khám thai và siêu âm thai mới nhất thể hiện chị đang mang 01 thai tương đương với tuổi thai 21 tuần 08 ngày, thai đang phát triển. Theo trực diện quan sát, Hội đồng xét xử cũng nhận thấy rõ chị H. đang mang thai và tuổi thai đã lớn. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hiện tại chị H. đang mang thai trong thời kỳ hôn nhân với anh T.. Căn cứ theo khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh T. không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp chị H. đang có thai, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T..

Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Vì yêu cầu xin ly hôn của anh T. không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét các yêu cầu về nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung.

Về án phí: Anh T. là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220; Điều 271; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Hữu T. đối với chị Hoàng Thanh H..

2. Về án phí:Anh Bùi Hữu T. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002418 ngày 02/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, anh T. đã nộp đủ án phí.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Phương